TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2023/HNGĐ- ST
Ngày : 14-7-2023
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Phan Thị Hà**
2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm *tham gia phiên tòa*: Ông **Phan Văn Hưng**- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 335/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị B,** sinh năm 1989
Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Anh **Hồ Thanh T,** sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Chị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/11/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Hồ Thanh T chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An ngày 06/7/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống, làm công nhân tại thành phố D, tỉnh Bình Dương, thỉnh thoảng lễ, tết thì mới về thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Lý do cả hai bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã xung đột nhau. Có thời gian anh T ở

nhà không có việc làm nên bị stress, thường xuyên uống rượu. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên năm 2020 chị có gửi đơn ly hôn, năm 2021 chị tiếp tục gửi đơn ly hôn và được TAND thành phố D, tỉnh Bình Dương thụ lý, giải quyết. Tuy nhiên do anh T không đăng ký tạm trú tại D, có hộ khẩu tại thôn 5, xã L, huyện B, anh T có đến Tòa án làm việc 01 lần nhưng không đồng ý ly hôn nên chị phải rút đơn ly hôn để nộp đơn đến TAND huyện Bảo Lâm để được giải quyết theo thẩm quyền chứ không phải vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Từ đó đến nay vợ chồng cũng không đoàn tụ được, phận ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau, đã ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Hồ Thanh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị và anh T có tạo lập được tài sản chung, góp tiền mua đất chung với người khác tại xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Chị tự thỏa thuận với anh T về tài sản này và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với thửa đất số 842- TBĐ 19- xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương thì chị và anh T đã chuyển nhượng cho người khác, giải quyết với nhau xong, chị không yêu cầu giải quyết gì đối với tài sản này.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc. Tại đơn viết tay ghi ngày 20/01/2023 và đơn xin vắng mặt ghi năm 2023 (gửi đường bưu điện) anh T trình bày: Anh T và chị B chung sống với nhau từ năm 2012, anh không đánh đập, không có lỗi với chị B, luôn tôn trọng hai bên gia đình. Anh mong muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/5/2023 nhưng không thành. Chị B có mặt, anh T vắng mặt mặc dù được triệu tập hợp lệ. Chị B có đơn yêu cầu không hòa giải vụ án nữa mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị B và anh T được ly hôn. Về con chung không có và không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung chị B tự thỏa thuận với anh T và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung không có và không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hồ Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của phá luật.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Hồ Thanh T chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An ngày 06/7/2012. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống chị B trình bày vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Lý do cả hai bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã xung đột nhau. Anh T cho rằng không có lỗi gì, không đánh đập chị B. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị B và anh T là có phát sinh và chị B có gửi đơn tại TAND thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương để yêu cầu giải quyết ly hôn (Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 125/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2022 đã có hiệu lực pháp luật). Lý do anh T không đăng ký tạm trú tại D, có hộ khẩu tại thôn 5, xã L, huyện B nên chị B rút đơn ly hôn để nộp đơn đến TAND huyện Bảo Lâm để được giải quyết theo thẩm quyền, thực tế vợ chồng không về đoàn tụ với nhau. Đến ngày 18/11/2022 chị B nộp đơn ly hôn tại TAND huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Từ đó đến nay vợ chồng cũng không đoàn tụ được, phận ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau, đã ly thân. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có hòa giải đoàn tụ nhưng chị B có mặt, anh T vắng mặt không có lý do. Nay chị B vẫn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị B được ly hôn với anh T là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Chị B trình bày quá trình chung sống chị và anh Hồ Thanh T không có con chung, không yêu cầu giải quyết, còn anh T được triệu tập nhiều lần không đến làm việc nên không có lời khai nào về con chung, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Chị B trình bày chị và anh T có tài sản chung, chị tự thỏa thuận với anh T và không yêu cầu giải quyết, anh T không đến làm việc, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị B trình bày chị và anh T không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị B đối với anh Hồ Thanh T về việc *"Ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị B được ly hôn với anh Hồ Thanh T.

2. Về tài sản chung: Chị Trần Thị B tự thỏa thuận với anh Hồ Thanh T và không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị B đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0012620 ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy